UBND XÃ CẨM GIANG **PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:26 /TB-VHXH	*Xã Cẩm Giang, ngày* 06 *tháng 02 năm 2026*

THÔNG BÁO
Công khai danh sách đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tháng 02/2026

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội và mức phí chi trả trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ danh sách chi trợ cấp xã hội tháng 02/2026 của xã Cẩm Giang;

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Cẩm Giang thông báo công khai danh sách đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội tháng 02/2026, cụ thể như sau:

Tổng số đối tượng là: 1.933 người

Tổng kinh phí là: 1.823.675.000 đồng

(có danh sách cụ thể kèm theo)

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Cẩm Giang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND xã (để b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã (để giám sát);
- Cổng TTĐT xã (để đăng tải);
- Lưu: VHXH.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. CẨM GIANG - T.P HẢI PHÒNG

Vũ Quang Thiều

Danh sách chi trả trợ cấp BTXH tháng 02 năm 2026 tại xã Cẩm Giang
(Kèm theo thông báo số:26.../TB-VHXH ngày 06/.02/2026 của phòng Văn hóa xã hội)

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
I. ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI (1.414 người)			**1.460.375.000**		**1.460.375.000**
1	Nguyễn Thị Quýt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
2	Bùi Đình Biểu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
3	Vũ Thị Ngời	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
4	Nguyễn Thị Mài	Người KT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
5	Nguyễn Thế Minh Đức	TEKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
6	Phạm Văn Chắc	NCT.KT Khác(Gù) Nặng	1.400.000		1.400.000
7	Bùi Thị Đức	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
8	Nguyễn Thế Khiêm	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
9	Nguyễn Thế Anh	Người KT Trí tuệ Nặng	1.050.000		1.050.000
10	Nguyễn Văn Thính	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
11	Nguyễn Văn Bính	NCTKT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
12	Nguyễn Thị Châu Anh	Trẻ em KT trí tuệ, thần kinh; vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
13	Phạm Khánh Linh	Hộ GĐ chăm sóc nuôi dưỡng NKT ĐBN Nguyễn Thị Châu Anh	700.000		700.000
14	Nguyễn Thị Huê	NCT KT vận động nặng	1.750.000		1.750.000
15	Bùi Xuân Xế	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Huê)	700.000		700.000
16	Lê Thị Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
17	Bùi Thị Dậu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
18	Nguyễn Thị Cần	NCT khuyết tật vận động	1.400.000		1.400.000
19	Phạm Thị Măng	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
20	Phạm Thị Ngắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
21	Vũ Thị Cán	NCTKT vận động, thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
22	Bùi Thị Thạch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
23	Lê Thị Chiến	người cao tuổi khuyết tật vận động, nghe, nhìn, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
24	Vũ Thị Lợi	NCT.KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
25	Nguyễn Thị Báu	NKT thần kinh tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
26	Bùi Hữu Tuấn	NCTKT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
27	Nguyễn Thị Chì	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
28	Bùi Thị Chắt	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
29	Phạm Thị Nguyệt	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
30	Nguyễn Văn Miên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
31	Phạm Thị Điểu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
32	Vũ Thị Si	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
33	Vũ Văn Phung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
34	Bùi Thị Soài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
35	Nguyễn Thị Hát	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
36	Phạm văn Kiểm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
37	Vũ Thị Toàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
38	Đoàn Thị Khang	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
39	Nguyễn Thị Đoan	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đoàn Thị Khang)	700.000		700.000
40	Nguyễn Trọng Hải	NKT KT thần kinh nặng	1.050.000		1.050.000
41	Phạm Thị Hựu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
42	Nguyễn Thị Tình	NCT khuyết tật vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
43	Hoàng Thị Lý	Hộ GĐ chăm sóc nuôi dưỡng NCTKT ĐBN Nguyễn Thị Tình	700.000		700.000
44	Bùi Hữu Hựu	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
45	Nguyễn Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
46	Đoàn Thị Linh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
47	Nguyễn Hữu Dênh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
48	Nguyễn Văn Đằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
49	Phạm Thị Thuận	Người cao tuổi khuyết tật vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
50	Nguyễn Thị Quế	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
51	Phạm Thị Tuyền	NCT. KT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
52	Trần Văn Đương	Người cao tuổi khuyết tật thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
53	Nguyễn Văn Đối	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Vũ Thị Cán)	700.000		700.000
54	Nguyễn Thị Hoài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
55	Vũ Thị Dủ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
56	Nguyễn Thị Thời	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
57	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Người KT vận động, trí tuệ, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
58	Tạ Thị Thu	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Quỳnh Trang)	700.000		700.000
59	Nguyễn Thị Hằng	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Phong)	700.000		700.000
60	Vũ Văn Phong	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
61	Vũ Thị Ngọ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
62	Phạm Thị Thu	NCT KT vận động, khác (ung thư trực tràng) ĐBN	1.750.000		1.750.000
63	Vũ Tiến Giáp	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Thu)	700.000		700.000
64	Vũ Thị Thầm	NCT KT vận động, nghe, trí tuệ, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000
65	Vũ Văn Ba	HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Vũ Thị Thầm)	700.000		700.000
66	Phạm Thị Phiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
67	Nguyễn Văn Chúc	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Quỳnh Lâm)	700.000		700.000
68	Nguyễn Thị Quỳnh Lâm	TE. KT thần kinh, tâm thần, vận động, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
69	Nguyễn Thị Hà	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đào Đắc Hạnh)	700.000		700.000
70	Đào Đắc Hạnh	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
71	Nguyễn Thị Thanh	NKT vận Động ĐBN	1.400.000		1.400.000
72	Bùi Hữu Dậu	NCTKT nhìn, khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
73	Nguyễn Thị Tuất	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT nhìn, khác ĐBN (Bùi Hữu Dậu)	700.000		700.000
74	Phạm Thị Tê	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
75	Nguyễn Thị Tựa	NKT vận động, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
76	Hoàng Thị Tắm	HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Tựa)	700.000		700.000
77	Phạm Thị Mủa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
78	Vũ Văn Sơn	Hộ GĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Cường)	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
79	Vũ Văn Cường	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
80	Nguyễn Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
81	Nguyễn Văn Thục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
82	Vũ Thị Ấm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
83	Bùi Hữu Thu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
84	Nguyễn Thị Nhót	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
85	Vũ Thị Giá	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
86	Vũ Tiến Thắc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
87	Nguyễn Thị Kè	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
88	Nguyễn Thị Đoan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
89	Nguyễn Thị Hiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
90	Bùi Thị Quỳnh Anh	TE KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
91	Mai Thị Hương	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi T Quỳnh Anh)	700.000		700.000
92	Hoàng Thị Chè	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
93	Vũ Tiến Anh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
94	Bùi Thị Hoành	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
95	Vũ Thị Ngợi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
96	Bùi Quang Huệ	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
97	Bùi Quang Biên	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
98	PHạm Thị Lụa	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
99	Bùi Thị Quý (Quí)	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
100	Bùi Quang Mỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
101	Nguyễn Văn Năm	NCT KT vận động, nói nặng	1.400.000		1.400.000
102	Lê Minh Hiếu	Người KT trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
103	Lê Bá Thái Nguyên	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Minh Hiếu)	700.000		700.000
104	Nguyễn Thị Tỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
105	Nguyễn Thị Thụy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
106	Phạm Thị Yên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
107	Nguyễn Văn Hành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
108	Nguyễn Thị Hiển	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
109	Vũ Thị Uẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
110	Vũ Thị Mích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
111	Nguyễn Thị Cương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
112	Bùi Thị Thục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
113	Vũ Thị Thuật	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
114	Vương Thị Nhâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
115	Phạm Đức San	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
116	Bùi Hữu Bỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
117	Bùi Thị Nghiên	NCT.KT Vận Động Nặng	1.400.000		1.400.000
118	Bùi Hữu Thịnh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
119	Đào Thị Thương	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
120	Bùi Thị Dụng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
121	Bùi THị Dích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
122	Nguyễn Thị Rát	NCTKT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
123	Phạm Văn Duy	NKT nghe, nói, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
124	Bùi Thị Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
125	Vũ Thị Bao	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
126	Nguyễn Văn Phấn	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Bao)	700.000		700.000
127	Nguyễn Thị Hòa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
128	Nguyễn Thị Lư	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
129	Nguyễn Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
130	Nguyễn Thị Là	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
131	Nguyễn Thị Hằng	NKT vận động, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
132	Nguyễn Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
133	Nguyễn Thị Thúy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
134	Nguyễn Thị Luyến	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Hữu Tuấn)	700.000		700.000
135	Nguyễn Thị Hương	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Thiện)	700.000		700.000
136	Nguyễn Văn Thiện	NKT vận động đặc biệt nặng	1.400.000		1.400.000
137	Nguyễn Thị Ngồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
138	Nguyễn Thế Chấn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
139	Nguyễn Đức Toàn	TE KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
140	Nguyễn Văn Tuyền	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đức Toàn)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
141	Nguyễn Tiến Tiến	NKT.Vận Động Nặng	1.050.000		1.050.000
142	Phùng Thị Mót	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
143	Vũ Thị Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
144	Nguyễn Tiến Trung Hiếu	TE mồ côi mẹ, cha đang hưởng trợ cấp BTHX hàng tháng	1.050.000		1.050.000
145	Nguyễn Tường Vi	TE mồ côi mẹ, cha đang hưởng trợ cấp BTHX hàng tháng	1.050.000		1.050.000
146	Chu Đức Sắc	NCT KT Nhìn, khác Nặng	1.400.000		1.400.000
147	Nguyễn Thị Mẽ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
148	Trần Thị Lợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
149	Trương Thị Quỳnh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
150	Vũ Văn Tùng	NKT thần kinh, tâm thần, nói ĐBN	1.400.000		1.400.000
151	Nguyễn Thị Miết	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Tùng)	700.000		700.000
152	Phạm Thị Cảnh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (bà Nguyễn Thị Nghiêm)	700.000		700.000
153	Nguyễn Thị Nghiêm	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
154	Nguyễn Thị Ổn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
155	Nguyễn Thị Xô	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
156	Nguyễn Văn Thành	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Xô)	700.000		700.000
157	Bùi Thị Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
158	Nguyễn Văn Hậu	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
159	Vũ Thị Thúy	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Hậu)	700.000		700.000
160	Phạm Văn Quảng	NCT.KT Vận Động, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000
161	Nguyễn Thị Chuốt	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Văn Quảng)	700.000		700.000
162	Nguyễn Thị Mịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
163	Bùi Thị Thụy	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
164	Bùi Thị Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
165	Bùi Thị Hiền	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
166	Nguyễn Thị Côi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
167	Bùi Thị Minh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
168	Nguyễn Thế Đính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
169	Bùi Văn Mậu	NCT KT.Vận Động Nặng	1.400.000		1.400.000
170	Nguyễn Thị Thứa	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
171	Bùi Thị Định	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
172	Lê Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
173	Bùi Thị Chảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
174	Nguyễn Văn Sang	NKT thần kinh nặng	1.050.000		1.050.000
175	Nguyễn Văn Khiêm	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
176	Bùi Thị Sìu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
177	Nguyễn Thị Hữu	NKT Vận động, khác nặng	1.050.000		1.050.000
178	Bùi Thị Vụ	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
179	Chu Thị Thoảng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
180	Nguyễn Thị Lai	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
181	Phạm Thị Ngà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
182	Bùi Năng Tiến	NKT nhìn, trí tuệ, vận động nặng	1.050.000		1.050.000
183	Nguyễn Thị Thơi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
184	Bùi Đình Vượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
185	Nguyễn Thị Hà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
186	Nguyễn Văn Mích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
187	Bùi Thị Lục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
188	Nguyễn Thị Lanh	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
189	Nguyễn Văn Tửu	HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Lanh)	700.000		700.000
190	Bùi Thị Hiền	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
191	Vũ Thế Viễn	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Thị Hiền)	700.000		700.000
192	Bùi Năng Gấm	NKT.Nhìn Nặng	1.050.000		1.050.000
193	Bùi Năng Năng	NKT.Nhìn Nặng	1.050.000		1.050.000
194	Bùi Thị Hồng	Người đơn thân nuôi 01 con nhỏ dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo	700.000		700.000
195	Bùi Thị Hồng	NKT.Nhìn Nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
196	Nguyễn Thị Nhăng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
197	Bùi Thị Ngọ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
198	Bùi Năng Chàng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
199	Nguyễn Thị Cải	NCT KT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
200	Vũ Thị Lán	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
201	Lê Thị Lẩy	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
202	Lê Thị Lõn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
203	Bùi Quang Tuất	NCT KT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
204	Hà Thị Châm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
205	Nguyễn Thị Ngừng	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
206	Vũ Thị Đận	NCTKT vận động nặng và HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Bùi Năng Ý)	2.100.000		2.100.000
207	Nguyễn Thị Tĩnh	NCT.KT Vận Động Nặng	1.400.000		1.400.000
208	Nguyễn Thị Tẽo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
209	Vũ Thị Đan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
210	Nguyễn Thị Hận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
211	Bùi Thị Thu Nguyệt	Người KT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
212	Bùi Năng Thẩm	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi T Thu Nguyệt)	700.000		700.000
213	Nguyễn Thị Lập	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
214	Nguyễn Thị Cộng	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
215	Nguyễn Trọng Lộc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
216	Nguyễn Tuấn Minh	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
217	Bùi Quang Đức	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
218	Bùi Quang Nghi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
219	Nguyễn Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
220	Bùi Thị Chiều	NCT.KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
221	Bùi Thị Hằng	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
222	Lê Huy Giáp	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
223	Hà Thị Thái	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
224	Bùi Thị Kim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
225	Phạm Thị Hợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
226	Bùi Thị Bần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
227	Bùi Hữu Tộ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
228	Phạm Văn Đà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
229	Nguyễn Thị Sận	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
230	Bùi Hữu Lịch	NCTKT nặng	1.400.000		1.400.000
231	Bùi Thị Thắm	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Hữu Hựu)	700.000		700.000
232	Nguyễn Thị Đài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
233	Bùi Thị Thiếu	NKT Nghe, Nói Nặng	1.050.000		1.050.000
234	Bùi Thị Tồn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
235	Bùi Thị Oanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
236	Phạm Thị Nhành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
237	Nguyễn Văn Cỏn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
238	Vũ Thị Liên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
239	Nguyễn Trọng Triệu	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
240	Nguyễn Thị Bảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
241	Nguyễn Văn Hưng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Thanh)	700.000		700.000
242	Trần Thị Bảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
243	Nguyễn Thị Ý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
244	Nguyễn Thanh Lịch	NCT KT khác nặng	1.400.000		1.400.000
245	Thạch Thị Tất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
246	Phạm Thị Hời	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
247	Nguyễn Thị Báu	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ	700.000		700.000
248	Đỗ Viết Hợi	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
249	Phạm Thị Bân	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
250	Phạm Thị Liền	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Tuyền)	700.000		700.000
251	Nguyễn Thị Sỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
252	Phạm Thị Dưa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
253	Phạm Nguyễn Phang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
254	Phạm Quang Dự	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
255	Phạm Thị Vẻ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
256	Trần Thị Súc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
257	Phùng Văn Vạng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
258	Trần Thị Thấy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
259	Phạm Thị Nủ	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
260	Phạm Thị Thi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
261	Phạm Nguyễn Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
262	Nguyễn Thị Lại	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
263	Phùng Thị Ang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
264	Phạm Văn Hiển	NCT. KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
265	Phạm Thị Lành	NKT trí tuệ, nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
266	Trần Thị Từng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
267	Phùng Thị Thơi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
268	Lê Văn Thoan	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
269	Phùng Văn Tâm	NCT KT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
270	Trần Thị Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
271	Phạm Thị Chăm	NCT. KT thần kinh, tâm thần, nghe nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
272	Phạm Bình Định	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Chăm)	1.050.000		1.050.000
273	Vũ Văn Tập	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
274	Bùi Thị Pha	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Tập)	700.000		700.000
275	Trần Thị Sáo	NCT KT nhìn, vận động nặng	1.400.000		1.400.000
276	Trần Thị Ổn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
277	Phạm Thị Bèo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
278	Phạm Thị Xoan	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
279	Bùi Thị Huy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
280	Phạm Thị Miên	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
281	Phùng Văn Cung	NKT thần kinh, tâm thần, vận động nặng	1.050.000		1.050.000
282	Nguyễn Thị Thu	HGĐ nhận nuôi dưỡng chăm sóc trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng từ 4 đến dưới 16 tuổi (Vũ Ngọc Phương Chi)	1.050.000		1.050.000
283	Nguyễn Thị Lạng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
284	Bùi Năng Chín	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
285	Nguyễn Thị Đức Phúc	TE KT vận động, trí tuệ, khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
286	Nguyễn Thị Xiêm	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Đức Phúc)	700.000		700.000
287	Phùng Xuân Hồng	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
288	Hoàng Thị Lan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phùng Xuân Hồng)	700.000		700.000
289	Hoàng Thị Viển	NCT KT vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
290	Nguyễn Văn Thìn	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Hoàng Thị Viển)	700.000		700.000
291	Vũ Thị Nhớn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
292	Vũ Thị Phành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
293	Bùi Thị Kỹ	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
294	Phạm Thị Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
295	Phạm Thị Lan Anh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
296	Vũ Văn Tẩm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
297	Nguyễn Thị Thuyết	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
298	Vũ Thị Điều	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
299	Bùi Hữu Luân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
300	Bùi Thị Sự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
301	Phạm Thị Hường	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Mẫn)	700.000		700.000
302	Nguyễn Văn Mẫn	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
303	Nguyễn Thị Bao	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Nguyễn Tùng)	700.000		700.000
304	Nguyễn Văn Cường	NKT nhìn, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
305	Nguyễn Văn Khiêm	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Cường)	1.050.000		1.050.000
306	Nguyễn Thị Mừng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
307	Phạm Thị Tẹo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
308	Phạm Văn Ất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
309	Nguyễn Thị Ngoi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
310	Chu Đức Nhận	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
311	Dương Thị Tạo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
312	Phạm Thị Bột	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
313	Nguyễn Thị Soạn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
314	Nguyễn Văn Hộ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
315	Bùi Đình Tiến	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (NguyễnThị Ngừng)	700.000		700.000
316	Nguyễn Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
317	Bùi Thị Thuận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
318	Nguyễn Thị Ngoãn	NKT.Vận Động Nặng	1.050.000		1.050.000
319	Nguyễn Thị Đê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
320	Chu Đức Quyền	NKT nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
321	Vũ Thị Lược	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN Chu Đức Quyền	700.000		700.000
322	Nguyễn Thị Hời	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
323	Vũ Thị Tíu	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
324	Nguyễn Văn Hạp	NKTvận động, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
325	Đinh Thị Lạt	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Hạp)	700.000		700.000
326	Vũ Thị Quản	NCT KT Nghe, Nói Nặng	1.400.000		1.400.000
327	Phạm Thị Thiềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
328	Vũ Xuân Lộc	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
329	Phạm Minh Nghĩa	TE. KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
330	Nguyễn Thị Huề	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Minh Nghĩa)	700.000		700.000
331	Nguyễn Văn Bảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
332	Vũ Thị Bạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
333	Nguyễn Đình Tỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
334	Nguyễn Văn Tuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
335	Trần Thị Lận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
336	Phạm Thị Cao	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
337	Phạm Tiến Hoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
338	Đỗ Văn Thuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
339	Phạm Thị Siêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
340	Lê Thị Phiu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
341	Nguyễn Xuân Thiết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
342	Nguyễn Thị Ngoan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
343	Phạm Văn Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
344	Bùi Thị Đôi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
345	Nguyễn Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
346	Nguyễn Xuân Xuyến	NCT khuyết tật vận động Nặng	1.400.000		1.400.000
347	Phạm Thị Thúy	Người KT trí tuệ, khác nặng	1.050.000		1.050.000
348	Bùi Hữu Yết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
349	Phạm Thị Mận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
350	Bùi Thị Lượng	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
351	Chu Văn Vinh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Thị Lượng)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
352	Nguyễn Thị Chinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
353	Bùi Văn Thăng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
354	Nguyễn Thị Hạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
355	Bùi Thị Ngọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
356	Nguyễn Thế Tuyền	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
357	Phạm Văn Cường	NCTKT nghe, nói, khác nặng	1.400.000		1.400.000
358	Bùi Gia Bảo	TEKT vận động nói, trí tuệ, khác mức độ ĐBN và	1.750.000		1.750.000
359	Vũ Thị Ngọc Ánh	HGĐ nuôi dưỡng NKTĐBN (Bùi Gia Bảo)	700.000		700.000
360	Bùi Văn Tráng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
361	Đoàn Thị Tới	NCT KT.Vận Động Nặng	1.400.000		1.400.000
362	Nguyễn Sỹ Tất	NCT KT nhìn, nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
363	Nguyễn Thị Hoa	NCTKT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
364	Nguyễn Thị Thìn	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
365	Bùi Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
366	Bùi Thị Teng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
367	Bùi Thị Thúy	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
368	Bùi Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
369	Nguyễn Thị Dồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
370	Triệu Thị Hạnh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
371	Nguyễn Thị Thơi	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
372	Phạm Văn Quang	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
373	Nguyễn Thị Thúy Hường	TE không có bố, MC mẹ	1.050.000		1.050.000
374	Phạm Văn Mười	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
375	Phạm Thị Chiên	NKT.Vận Động Nặng	1.050.000		1.050.000
376	Phạm Thị Đức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
377	Giáp Thị Luận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
378	Nguyễn Văn Sinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
379	Nguyễn Thị Vui	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
380	Trương Văn Nhẹ	Người KT vận động, nói nặng	1.050.000		1.050.000
381	Vũ Thị Dung	NKT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
382	Vũ Thị Lơ	NKT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
383	Bùi Thị Đạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
384	Bùi Đình Bổng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
385	Bùi Thị Chục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
386	Phạm Văn Tam	NCT KT Vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
387	Nguyễn Văn Anh Tú	Trẻ em KT vận động, nói, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
388	Bùi Thị Lâm Oanh	HGĐ nuôi dưỡng TEKTĐBN (Nguyễn Văn Anh Tú)	700.000		700.000
389	Lương Thị Huế	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
390	Vũ Thị Vi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
391	Phạm Thị Thực	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
392	Phạm Văn Hảo	Hộ GĐ chăm sóc NKT ĐBN (Nguyễn Thị Sận)	700.000		700.000
393	Vũ Văn Vượng	Hộ GĐ chăm sóc NKT ĐBN (Nguyễn Thị Trừ)	700.000		700.000
394	Nguyễn Thị Trừ	NCT khuyết tật vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
395	Trần Xuân Liên	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
396	Bùi Hữu Canh	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
397	Nguyễn Đình Chức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
398	Phạm Thị Lẩy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
399	Nguyễn Thị Lự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
400	Vũ Thị Tự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
401	Bùi Hữu Ngụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
402	Nguyễn Anh Quân	Người KT trí tuệ, thần kinh nặng	1.050.000		1.050.000
403	Nguyễn Tùng Lâm	TEKT khác nặng	1.400.000		1.400.000
404	Hoàng Thị Mon	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
405	Trương Văn Thiện	NKT trí tuệ, nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
406	Nguyễn Thị Thực	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
407	Vũ Văn Khoái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
408	Vũ Thị Mỹ	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
409	Vũ Tiến Thiều	NCTKT vận động, trí tuệ	1.400.000		1.400.000
410	Nguyễn Thị Sáng	NCTKT vận động, trí tuệ	1.400.000		1.400.000
411	Nguyễn Hiền Anh	TEKT vận động, trí tuệ khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
412	Nguyễn Thị Lan	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT ĐBN (Nguyễn Hiền Anh)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
413	Trần Nguyễn Thuyết	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
414	Nguyễn Thị Mai	NCTKT trí tuệ, khác nặng	1.400.000		1.400.000
415	Nguyễn Minh Đức	TEKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
416	Cao Thị Thanh	NKT vận động, khác nặng	1.050.000		1.050.000
417	Nguyễn Minh Khang	TE khuyết tật vận động, trí tuệ, khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
418	Cao Thị Thương	HGĐ chăm sóc nuôi dưỡng TEKTĐBN (Nguyễn Minh Khang)	700.000		700.000
419	Phạm Khắc Hà	NCT khuyết tật nghe, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
420	Nguyễn Ngọc Phương Linh	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
421	Nguyễn Ngọc Phương Thúy	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
422	Đỗ Thị Cẩm My	Hộ GĐ nuôi dưỡng 02 NKT ĐBN (Nguyễn Thị Phương Linh và Nguyễn Thị Phương Thúy)	1.400.000		1.400.000
423	Trương Gia Bảo	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
424	Nguyễn Thị Phương	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trương Gia Bảo)	700.000		700.000
425	Phạm Thị Chức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
426	Vũ Văn Thâu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
427	Vũ Văn Hà	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
428	Bùi Thị Đua	NKT KT trí tuệ, nói nặng	1.050.000		1.050.000
429	Nguyễn Văn Nghiêm	NCT KT thần kinh, tâm thần, vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
430	Phạm Thị Lan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Nghiêm)	700.000		700.000
431	Triệu Quang Thanh	NKT thần kinh, trí tuệ, khác nặng	1.050.000		1.050.000
432	Nguyễn Thị Ngoan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
433	Trần Mai Kiên	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
434	Bùi Kim Thoa	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Lê Thị Chiến)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
435	Nguyễn Thị Nhẫn	NCTKT vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
436	Vũ Chung Kiên	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhẫn)	700.000		700.000
437	Phạm Thị Phương Nga	TE KT trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
438	Vũ Thị Thảo	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Phương Nga)	700.000		700.000
439	Nguyễn Thị Thuận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
440	Trương Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
441	Lê Thị Sông	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
442	Nguyễn Xuân Thuỷ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
443	Nguyễn Văn Sơn	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động ĐBN (Nguyễn Thị Hà)	700.000		700.000
444	Bùi Thị Tẽo	NCTKT nặng	1.400.000		1.400.000
445	Phạm Tiến Đoàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
446	Bùi Thị Sen	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
447	Vũ Thị Nhài	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Thị Sen)	700.000		700.000
448	Vũ Thị Sô	NCTKT.Vận Động ĐBN	1.400.000		1.400.000
449	Hà Văn Luân	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Sô)	700.000		700.000
450	Phùng Thị Gạch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
451	Trần Văn Nhanh	NCT KT thần kinh, tâm thần, nhìn, vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
452	Trần Thị Lương	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Văn Nhanh)	700.000		700.000
453	Phạm Thị Sọi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
454	Nguyễn Văn Vũ	Người khuyết tật vận động nặng	1.050.000		1.050.000
455	Vũ Văn Toàn	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Điệp)	700.000		700.000
456	Vũ Hiểu Phong	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
457	Phạm Thị Chuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
458	Nguyễn Như Sinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
459	Trịnh Quang Tráng	TE khuyết tật nói, trí tuệ, thần kinh ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
460	Nguyễn Thị Dung	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT ĐBN (Trịnh Quang Tráng)	700.000		700.000
461	Vũ Văn Quyền	NKT thần kinh tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
462	Lê Thị Mua	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Quyền)	700.000		700.000
463	Phạm Thị Tươi	NCT KT vận động, thần kinh tâm thần, khác nặng	1.400.000		1.400.000
464	Lê Thị Chung	NKT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
465	Lương Đình Nhất	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
466	Vũ Thị Xoa	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lương Đình Nhất)	700.000		700.000
467	Ngô Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
468	Phạm Thị Kim Thành	Hộ GĐ nuôi dưỡng TE NKT ĐBN (Nguyễn Ngọc Chi)	700.000		700.000
469	Nguyễn Duy San	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
470	Tăng Ngọc Đạm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
471	Vũ Thạch Tưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
472	Nguyễn Đức Hải	NKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
473	Vũ Thị Nhiễu	NKT thần kinh, tâm thân, vận động nặng	1.050.000		1.050.000
474	Vũ Thị Mừng	NCTKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
475	Vũ Lệnh Cường	NKT tâm thần, vận động nặng	1.050.000		1.050.000
476	Nguyễn Đắc Hiền	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
477	Trần Văn Lợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
478	Trịnh Ngọc Ngăm	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
479	Nguyễn Văn Nhuận	NCT khuyết tật vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
480	Nguyễn Thị Tâm	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
481	Nguyễn Văn Khánh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Tâm)	700.000		700.000
482	Ngô Văn Quỳnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
483	Nguyễn Thị Soạn	NCT khuyết tật vận động, đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
484	Ngô Văn Quỳnh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Soạn)	700.000		700.000
485	Bùi Thị Oanh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Tăng Thị Điệp)	700.000		700.000
486	Lê Thị Thia	NCT khuyết tật vận động, trí tuệ	1.750.000		1.750.000
487	Phạm Thị Nghể	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
488	Nguyễn Ngọc Chi	Trẻ em KT trí tuệ, vận động và nghe nói	1.750.000		1.750.000
489	Phạm Thuần Quân	NKT thần kinh tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
490	Đặng Thị Muôn	NCT khuyết tật vận động, đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
491	Nguyễn Xuân Thương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Đặng Thị Muôn)	700.000		700.000
492	Nguyễn Tuấn Bàng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Bình)	700.000		700.000
493	Lê Thị Sõi	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đỗ Thị Rỗi)	700.000		700.000
494	Vũ Thị Nhàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
495	Vũ Xuân Huệ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
496	Bùi Thị Thái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
497	Nguyễn Thị Sơn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
498	Nguyễn Thị Yên	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ	700.000		700.000
499	Nguyễn Thị Yên	NKT thần kinh, tâm thần, nghe, nói, nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
500	Nguyễn Văn Hỏa	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
501	Nguyễn Tiến Quang	TEKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
502	Lê Minh Khiêm	TEKT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
503	Nguyễn Văn Tạo	NCTKT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
504	Nguyễn Văn Bộc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
505	Vũ Thị Văn	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
506	Trịnh Huy Ngưỡng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
507	Phạm Thuần Dy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
508	Trần Văn Thắng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
509	Cao Quang Tiệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
510	Lê Thị Hoè	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
511	Nguyễn Công Lực	NKT vận động, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
512	Nguyễn Công Cò	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
513	Vũ Thị Phèo	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
514	Cao Thị Sắc	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
515	Dương Thị Đính	NCTKT ĐBN và hộ gia đình nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN	2.800.000		2.800.000
516	Phạm Tú Anh	HGĐ nuôi dưỡngTE KT ĐBN Phạm Tú Anh); TEKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
517	Nguyễn Thị Bẩy	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ, gia đình thuộc hộ cận nghèo	700.000		700.000
518	Nguyễn Thị Hiếu	NKT vận động nặng và Đơn thân nuôi 01 con nhỏ thuộc hộ nghèo	1.750.000		1.750.000
519	Trần Thị Tuyết	NKT nhìn, vận động, khác (suy thận) nặng	1.050.000		1.050.000
520	Nguyễn Văn Tuấn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Phạm Thị Phúc)	700.000		700.000
521	Tăng Thị Phong	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
522	Nguyễn Thị Gặn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
523	Nguyễn Thị Lan	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên không có chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
524	Nguyễn Thị Bán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
525	Nguyễn Thị Bính	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
526	Phạm Thị Vẻ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
527	Đoàn Thị Lý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
528	Lê Thị Hương	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
529	Lê Văn Tám	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
530	Phạm Thị Bẩy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
531	Nguyễn Thị Điều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
532	Vũ Thị Hương Quế	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đình Hải Đăng)	700.000		700.000
533	Nguyễn Đình Hải Đăng	NKT vận động, trí tuệ, nghe nói ĐBN	1.400.000		1.400.000
534	Hoàng Văn Hoán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
535	Trịnh Đình Chưng	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
536	Nguyễn Anh Tuấn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Trịnh Đình Chưng)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
537	Phạm Thị Nhuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
538	Vũ Thị Thắm	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
539	Vũ Thị Bé	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
540	Nguyễn Thị Hồng	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
541	Nguyễn Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
542	Phạm Minh Quý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
543	Phạm Thị Giao	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
544	Lê Văn Thạch	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
545	Lê Thị Bổng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
546	Phạm Thuần Cẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
547	Trịnh Đình Thức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
548	Phạm Thị Thành	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
549	Phạm Thuần Thủy	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
550	Trần Thị Đáng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thuần Thủy)	700.000		700.000
551	Phạm Văn Dùng	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
552	Vũ Thị Mai	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Thăng)	1.050.000		1.050.000
553	Phạm Thị Thăng	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
554	Nguyễn Thị Dung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
555	Vũ Thị Xuân	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Duy Phú)	700.000		700.000
556	Phạm Duy Phú	NKT vận động, nói, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
557	Phạm Thị Sức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
558	Phạm Thị Dị	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
559	Nguyễn Thị Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
560	Phạm thị Thúy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
561	Vũ Thị Hằng	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Hoan)	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
562	Phạm Thị Hoan	NKT vận động, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
563	Cao Thị Tập	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động, nói ĐBN (Nguyễn Văn Bình)	700.000		700.000
564	Phạm Anh Ngọc	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
565	Nguyễn Thị Xoa	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Anh Ngọc)	700.000		700.000
566	Nguyễn Thị Cháp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
567	Nguyễn Văn Vở	NKT nghe, nói, khác (suy tim) nặng	1.050.000		1.050.000
568	Vũ Thị Thông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
569	Phạm Đức Khản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
570	Nguyễn Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
571	Nguyễn Thị Khoa	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
572	Nguyễn Thị Giồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
573	Dương Thị Hảo	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
574	Nguyễn Thị Hằng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Dương Thị Hảo)	700.000		700.000
575	Bùi Thị Ngắn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
576	Nguyễn Văn Sang	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
577	Nguyễn Thị Tỉnh	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
578	Vũ Thị Xuyện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
579	Phạm Văn Cảnh	NKT vận động, nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
580	Nguyễn Văn Tiến	NKT vận động, khác (suy tim) ĐBN	1.400.000		1.400.000
581	Vũ Xuân Đảo	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
582	Bùi Văn Khải	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
583	Lê Thị Vũ	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Văn Khải)	700.000		700.000
584	Nguyễn Văn Hoãn	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
585	Nguyễn Thị Y	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
586	Nguyễn Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
587	Nguyễn Thị Phin	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
588	Nguyễn Thị Tình	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
589	Vũ Thị Vít	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Hữu Tâm-Nguyễn Văn Hữu)) (Nguyễn Văn Hữu)	700.000		700.000
590	Nguyễn Hữu Tâm	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
591	Vũ Thị Quýnh	người cao tuổi khuyết tật vận động, trí tuệ mức độ đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
592	Nguyễn Thị Hoài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
593	Ngô Thị Tuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
594	Nguyễn Thị Văn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
595	Bùi Trí Tuệ	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
596	Nguyễn Thị Nhỡ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
597	Nguyễn Văn Quát	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
598	Ngô Thị Mùi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
599	Dương Thị Mùi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
600	Dương Thị Ngần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
601	Nguyễn Thị Nội	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
602	Nguyễn Thị Phương	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Văn Thiện)	700.000		700.000
603	Lê Văn Thiện	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
604	Nguyễn Thị Cảo	NCT.KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
605	Vũ Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
606	Phạm Thị Nhuận	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động ĐBN (Nguyễn Thị Gắn)	700.000		700.000
607	Nguyễn Thị Gắn	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
608	Bùi Thị Hài	NCT.KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
609	Lê Văn Kiểm	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
610	Trịnh Thị Thơm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
611	Dương Thị Tám	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
612	Vũ Văn Nhạ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
613	Vũ Thanh Sam	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Văn Hoan)	700.000		700.000
614	Lê Văn Hoan	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
615	Nguyễn Văn Sắc	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
616	Phạm Văn Miên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
617	Lê Thị Khang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
618	Nguyễn Thị Mạ	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
619	Nguyễn Công Khương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Mạ)	700.000		700.000
620	Nguyễn Văn Nghiêm	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
621	Nguyễn Thị Thơi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
622	Dương Thị Dư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
623	Nguyễn Thị Dự	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
624	Vũ Thị Đó	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên không có chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
625	Nguyễn Thị Cẩn	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
626	Nguyễn Thị Ánh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
627	Cao Quang Thuyết	NKT vận động, nói nặng	1.050.000		1.050.000
628	Nguyễn Thị Châm	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Thị Cần)	700.000		700.000
629	Cao Thị Cần	NCT KT vận động, nghe, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
630	Cao Thị Xầm	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
631	Vũ Lai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
632	Vũ Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
633	Nguyễn Thị Bé	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
634	Nguyễn Thị Thú	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
635	Chung Thị Chắn	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
636	Nguyễn Bá Đằng	NCT KT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
637	Phạm Thị Gấm	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
638	Phạm Thị Thêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
639	Nguyễn Văn Ổn	NKT vận động, nói, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
640	Phạm Khắc Xuân	NCT.KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
641	Phạm Thị Mùi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
642	Nguyễn Thị Mỳ	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động, nói ĐBN (Nguyễn Văn Thưởng)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
643	Phạm Sỹ Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
644	Nguyễn Thị Dụ	NCT KT nghe, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
645	Trần Thị Biên	NCT KT nghe, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
646	Lê Thị Miễn	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Thị Hiệp)	700.000		700.000
647	Lê Thị Hiệp	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
648	Nguyễn Văn Tới	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
649	Phạm Thị Phương Anh	TE KT trí tuệ, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
650	Nguyễn Thị Nhâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
651	Bùi Văn Luân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
652	Phạm Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
653	Bùi Thị Hoài	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ	700.000		700.000
654	Bùi Thị Hoài	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Văn Tiến)	700.000		700.000
655	Bùi Văn Tiến	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
656	Lê Văn Huyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
657	Nguyễn Thị Tấc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
658	Phạm Văn Cận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
659	Nguyễn Thị Mai	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
660	Dương Thị Yến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
661	Dương Thị Yến	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Mai)	700.000		700.000
662	Phạm Thị Nghĩa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
663	Đào Thị Châu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
664	Vũ Văn Đạo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
665	Vũ Đình Sứng	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
666	Vũ Đình Phát	NCT KT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
667	Vũ Thị Chiển	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
668	Cao Quang Hiền	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Chiển)	700.000		700.000
669	Nguyễn Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
670	Vũ Thị Công	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
671	Cao Quang Năng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
672	Vũ Đình Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
673	Vũ Đình Điệt	NCT KT thần kinh, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
674	Cao Quang Vịnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
675	Vũ Thị Côi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
676	Nguyễn Thị Thúy	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đình Huyên)	700.000		700.000
677	Nguyễn Đình Kha	NCT KT Vận động, trí tuệ, khác nặng	1.400.000		1.400.000
678	Phạm Khắc Hải	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Khăc Đương)	700.000		700.000
679	Phạm Khắc Biền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
680	Phạm Thị Châm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
681	Phạm Đức Tuyến	NKT vận động, khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
682	Phạm Đức Quyền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động, khác ĐBN (Phạm Đức Tuyến)	700.000		700.000
683	Vũ Xuân Đào	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
684	Nguyễn Thị Cậy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
685	Lê Thị Giảng	NCTKT vận động, nói nặng	1.400.000		1.400.000
686	Dương Văn Quỵnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
687	Ngô Như Tưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
688	Vũ Thị Định	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Thị Tiển)	700.000		700.000
689	Vũ Thị Biêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
690	Lê Thị Huyền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN(Phạm Thị Phương Anh)	700.000		700.000
691	Lê Văn Diệp	NKT vận động, thần kinh nặng	1.050.000		1.050.000
692	Cao Văn Hạc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
693	Nguyễn Thị Luyến	NKT vận động, nói nặng	1.050.000		1.050.000
694	Dư Thị Thắm	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
695	Nguyễn Thị Doãn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Thị Dõng)	700.000		700.000
696	Cao Thị Dõng	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
697	Vũ Đình Quỹ	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Phèo)	700.000		700.000
698	Cao Quang Ty	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
699	Cao Thị Quỳnh Như	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
700	Nguyễn Thị Huệ	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Thị Quỳnh Như)	700.000		700.000
701	Nguyễn Thị Hòa	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Quang Dâng)	700.000		700.000
702	Cao Quang Dâng	NCT.KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
703	Nguyễn Thị Tường	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
704	Nguyễn Duy Hiệp	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Tường)	700.000		700.000
705	Lê Thị Hà	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Văn Ngọc)	700.000		700.000
706	Trần Văn Ngọc	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
707	Nguyễn Thị Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
708	Vũ Thị Nhàn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN (Nguyễn Văn Nhượng)	700.000		700.000
709	Nguyễn Văn Nhượng	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
710	Trịnh Đình Chung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
711	Nguyễn Thị Hài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
712	Tăng Ngọc Bích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
713	Nguyễn Thị Dần	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
714	Nguyễn Thị Hà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
715	Nguyễn Ngọc Bảo Vi	TEKT trí tuệ, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
716	Phạm Thị Hiền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Ngọc Bảo Vi)	700.000		700.000
717	Phạm Đức Anh	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
718	Phạm Văn Hùng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Đức Anh)	700.000		700.000
719	Phạm Thị Huyên	NCTKT thần kinh tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
720	Trịnh Thị Chuyển	NCTKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
721	Đỗ Thị Nga	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Trịnh Thị Chuyển)	700.000		700.000
722	Hoàng Văn Thảo	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
723	Nguyễn Văn Dân	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
724	Nguyễn Thị Quỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
725	Cao Quang Dương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Chít)	700.000		700.000
726	Nguyễn Thị Chít	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
727	Ngô Thị Tịnh	NKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
728	Nguyễn Văn Từ	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Ngô Thị Tịnh)	700.000		700.000
729	Phan Đăng Lâm	TE KT trí tuệ, vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
730	Trần Thị Thu Hường	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phan Đăng Lâm)	700.000		700.000
731	Phạm Thị Toản	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
732	Lê Thị Tuy	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Văn Thắng)	700.000		700.000
733	Vũ Đình Thạo	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Thị Bẩy)	700.000		700.000
734	Cao Thị Bẩy	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
735	Tống Thị Thoa	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Dân)	700.000		700.000
736	Hoàng Thị Tuyết	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Tiến)	700.000		700.000
737	Tăng Thị Hòa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
738	Cao Quang Dương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Dự)	700.000		700.000
739	Mai Hoàng Phúc	TE khuyết tật trí tuệ, nghe nói mức độ đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
740	Nguyễn Thị Phương Sinh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN Mai Hoàng Phúc)	700.000		700.000
741	Nguyễn Thị Đương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhâm)	700.000		700.000
742	Nguyễn Thị Nhâm	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
743	Nguyễn Khắc Phụng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
744	Nguyễn Thị Lựu	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Ngô Văn Nhạ)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
745	Ngô Văn Nhạ	NCT KT nhìn, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
746	Nguyễn Thị Tý	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
747	Phạm Thảo Vy	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
748	Vũ Đình Duề	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
749	Trịnh Ngọc Nhượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
750	Trịnh Thị Nhung	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
751	Trần Thị Phương	Hộ GĐ nuôi dưỡng NCTKT vận động ĐBN (Trịnh Ngọc Nhượng)	700.000		700.000
752	Nguyễn Duy Phước	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
753	Nguyễn Thị Thời	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
754	Trần Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
755	Trịnh Ngọc Hưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
756	Nguyễn Thị Chuyên	NCT KT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000
757	Lê Thị Vui	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
758	Trịnh Thị Nhuần	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
759	Nguyễn Duy Thịnh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Huệ); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
760	Nguyễn Thị Nguyên	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
761	Trịnh Ngọc Huấn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
762	Lưu Văn Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
763	Nguyễn Thị Thuyết	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trịnh Ngọc Tĩnh); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
764	Nguyễn Thị Đoàn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
765	Hoàng Thị Tỉnh	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trịnh Thị Khuyên); NCT80	1.400.000		1.400.000
766	Hoàng Đình Huân	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
767	Tăng Thị Soóng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
768	Vũ Thị Phạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
769	Nguyễn Thị Láng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
770	Vũ Thị Nhật	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
771	Nguyễn Thị Lụt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
772	Trịnh Ngọc Trung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
773	Trần Văn Hà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
774	Vũ Hữu Đồng	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
775	Ngô Thị Viền	NCT khuyết tật vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
776	Nguyễn Thị Ninh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Ngô Thị Viền)	700.000		700.000
777	Lưu Thị Nguyệt	Người đơn thân nghèo nuôi 02 con nhỏ dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo	1.400.000		1.400.000
778	Dương Thị Hạnh	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
779	Trịnh Ngọc Hòa	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trịnh Ngọc Chung)	700.000		700.000
780	Nguyễn Thị Vượng	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
781	Bùi Thị La	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
782	Vũ Thị Nhi	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
783	Ngô Văn Lượng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Ngô Văn Nghĩa)	700.000		700.000
784	Nguyễn Thị Nghiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
785	Vũ Văn Thuỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
786	Vũ Thị Xim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
787	Nguyễn Thọ Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
788	Lê Thị Kim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
789	Vũ Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
790	Nguyễn Thị Liến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
791	Lê Thị Múp	NCT KT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
792	Vũ Thị Thảo	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
793	Lê Đình Lịch	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Đình Binh)	700.000		700.000
794	Nguyễn Thị Ngòi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
795	Nguyễn Thị Nga	NCT KT vận động, nghe, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
796	Vũ Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
797	Vũ Thị Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
798	Vũ Thị Bé	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
799	Lê Thị Phin	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
800	Nguyễn Thị Thạo	NCT.KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
801	Nguyễn Tuấn Chính	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
802	Đỗ Thị Lộc	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ thuộc hộ CN	700.000		700.000
803	Vũ Thị Ninh	NCT. KT nghe nói, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
804	Vũ Thạch Phúc	NCTKT vận động nặng	1.750.000		1.750.000
805	Nguyễn Thị Soan	NCT KT vận động, nghe nói ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
806	Phan Huyền Thinh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Chuyên)	700.000		700.000
807	Vũ Thị Nìn	NCT KT vận động, khác (suy tim) nặng	1.400.000		1.400.000
808	Vũ Thế Nam	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
809	Vũ Thị Chế	NCT KT vận động, khác (bừu lưng) nặng	1.400.000		1.400.000
810	Vũ Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
811	Vũ Thị Toan	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
812	Trịnh Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
813	Nguyễn Tuấn Tạo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
814	Nguyễn Quang Đăng	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
815	Bùi Thị Tình	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
816	Vũ Hữu Cung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
817	Hoàng Thị Ký	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
818	Trần Thị Ánh	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
819	Đào Quang Tấn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Soan)	700.000		700.000
820	Vũ Thế Điển	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
821	Vũ Thị Huy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
822	Lê Văn Nghiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
823	Lê Thị So	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
824	Nguyễn Đắc Thuỷ	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
825	Phạm Thị Lan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Nga); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
826	Nguyễn Như Đỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
827	Nguyễn Hữu Chẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
828	Vũ Thị Đoái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
829	Nguyễn Thị Tem	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
830	Nguyễn Thị Nhỉ	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
831	Vũ Ngọc Thường	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
832	Nguyễn Thị Bé	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
833	Nguyễn Thị Mũn	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
834	Lê Thị Phước	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
835	Đỗ Minh Goòng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
836	Nguyễn Thị Ngó	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
837	Lê Thị Dỏng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
838	Đỗ Thị Rỗi	NCTKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
839	Vũ Thạch Phước	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
840	Dương Thị Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
841	Lê Văn Thô	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
842	Nguyễn Thị Phượng	NKT nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
843	Nguyễn Thị Minh Hải	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Hải); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
844	Ngô Thị Nhỡ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
845	Vũ Thị Bình	NCT KT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
846	Nguyễn Tuấn Chín	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
847	Lê Thị Thịnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
848	Vũ Thị Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
849	Vũ Thị Trà My	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
850	Nguyễn Văn Đông	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Sính); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
851	Vũ Đình Mạnh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Đình Kỳ); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
852	Nguyễn Thị Doằn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
853	Nguyễn Thị Thắm	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
854	Vũ Hữu Tĩnh	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
855	Vũ Thị Xim	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
856	Lê Thị Táu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
857	Đỗ Hữu Cách	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
858	Nguyễn Thị Gọn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
859	Vũ Thị Ngoắt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
860	Đỗ Hữu Dương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
861	Vũ Lệnh Hòa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
862	Vũ Thị Quy	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
863	Vũ Thị Minh Khánh	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
864	Lê Văn Vấn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
865	Nguyễn Thị Nhẻ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
866	Lê Thị Tít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
867	Nguyễn Tuấn Vượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
868	Đỗ Hữu Lâu	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Thị Múp)	700.000		700.000
869	Nguyễn Thị Nghiệp	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (ông Nguyễn Bá Lư và bà Nguyễn Thị Nga)	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
870	Vũ Thị Dụ	HGĐ nuôi dưỡng 01 NKT ĐBN (Vũ Thị Thoa)	700.000		700.000
871	Nguyễn Thị Bé	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
872	Vũ Thị Loan	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
873	Vũ Thị Am	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
874	Vũ Thị Thơ	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
875	Nguyễn Thị Thi	NCTKT nhìn nặng	1.750.000		1.750.000
876	Nguyễn Hữu Quân	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT vận động, nhìn ĐBN (Nguyễn Thị Thi)	700.000		700.000
877	Nguyễn Thị Đỷ	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
878	Vũ Đình Bum	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
879	Nguyễn Thị Khánh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
880	Vũ Thị Hạnh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT vận động ĐBN (Lê Thị Dỏng)	700.000		700.000
881	Lê Thị Liên	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
882	Nguyễn Thị Kính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
883	Vũ Thị Sủa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
884	Nguyễn Thị Bồi	NCTKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
885	Vũ Thị Gái	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
886	Vũ Duy Úy	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Bồi)	700.000		700.000
887	Lê Thị Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
888	Nguyễn Thị Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
889	Vũ Thị Xáp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
890	Vũ Thị Huân	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
891	Lê Đức Thắng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Duy Khoa)	700.000		700.000
892	Nguyễn Hữu Lai	NKT tim mạch, khác nặng	1.050.000		1.050.000
893	Nguyễn Thị Hiếu	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Thị Gụ)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
894	Lý Thị Thuyền	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Hữu Thắng) và NKT vận động, nghe, nói, nhìn ĐBN	2.100.000		2.100.000
895	Vũ Thị Diên	NCT. KT vận động, nghe nói nặng	1.400.000		1.400.000
896	Phạm Thị Thoan	Người đơn thân nuôi 02 con nhỏ thuộc diện hộ cận nghèo	1.400.000		1.400.000
897	Vũ Mạnh Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
898	Trịnh Ngọc Nhu	NCT khuyết tật vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
899	Nguyễn Thị Chỉ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
900	Nguyễn Đắc Ca	Người cao tuổi khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
901	Nguyễn Đình Dân	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Điểm)	700.000		700.000
902	Vũ Thạch Thanh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thạch Phúc)	700.000		700.000
903	Lê Duy Điệu	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Dương Thị Hạnh)	700.000		700.000
904	Cao Quang Học	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
905	Dương Ngọc Hiền	NCT KT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
906	Lê Thị Sen	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
907	Phạm Văn Tuyên	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
908	Ngô Thị Bắc	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
909	Nguyễn Thị Mến	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
910	Nguyễn Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
911	Nguyễn Xuân Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
912	Lê Thị Tuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
913	Đào Văn Quang	Người khuyết tật thần kinh tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
914	Phạm Thị Mùi	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đào Văn Quang)	700.000		700.000
915	Nguyễn Văn Nghĩa	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
916	Vũ Văn Mích	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
917	Nguyễn Duy Cấp	NCT khuyết tật vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
918	Phạm Hải Yến	Trẻ em khuyết tật vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
919	Phạm Quốc Khánh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng Trẻ em KT trí tuệ ĐBN (Phạm Hải Yến)	700.000		700.000
920	Cao Thị Mão	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
921	Nguyễn Tuấn Vinh	TE KT nghe, nói, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
922	Nguyễn Văn Miên	Người khuyết tật nhìn mức độ khuyết tật ĐBN	1.400.000		1.400.000
923	Hà Thị Hường	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT nhìn ĐBN (Nguyễn Văn Miên)	700.000		700.000
924	Cao Quang Hùng	NKT nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
925	Nguyễn Thị Nguồn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
926	Nguyễn Thị Lân	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
927	Vũ Thị Tuy	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
928	Cao Quang Phong	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCT KT vận động ĐBN (Vũ Thị Tuy)	700.000		700.000
929	Lê Văn Minh	Trẻ em KT trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
930	Bùi Thị Hương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng Trẻ em KT trí tuệ ĐBN (Lê Văn Minh)	700.000		700.000
931	Phạm Đức Phúc	Trẻ em KT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
932	Lê Thị Miền	Người KT nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
933	Vũ Thị Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
934	Trịnh Thị Mẫn	NCTKT nghe, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
935	Vũ Thị Quang	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
936	Vũ Thị Hương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhẻ)	700.000		700.000
937	Vũ Thị Giáp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
938	Nguyễn Thị Điệu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
939	Nguyễn Đình Nhu	NCT KT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
940	Cao Quang Vụ	NKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
941	Cao Thị Chính	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Quang Vụ)	1.050.000		1.050.000
942	Cao Thị Nhỡ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
943	Vũ Thị Bò	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
944	Nguyễn Khắc Thuôn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
945	Nguyễn Đức Xương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
946	Vũ Thị Chang	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
947	Nguyễn Duy Quỵnh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
948	Nguyễn Duy Thảnh	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
949	Nguyễn Duy Thuật	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
950	Nguyễn Thị Đênh	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
951	Vũ Đình Tuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
952	Trần Thị Bấy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
953	Nguyễn Thị Mẽ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
954	Trình Văn Nhất	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
955	Vũ Thị Nhụ	NKT vận động, nghe nói nặng	1.050.000		1.050.000
956	Vũ Thị Hùng	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
957	Vũ Thị Trịnh	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
958	Vũ Thị Chang	Trẻ em KT trí tuệ, nói nặng	1.400.000		1.400.000
959	Phạm Văn Hinh	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
960	Trịnh Đình Tùng	Trẻ em KT thần kinh, tâm thần, khác	1.400.000		1.400.000
961	Phạm Thị Cưỡng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
962	Bùi Văn Thậm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
963	Nguyễn Thị Ngãi	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Thị Nhuận)	700.000		700.000
964	Trần Thị Nhuận	NCTKT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
965	Nguyễn Thị Yên	NCT.KT thần kinh nặng	1.400.000		1.400.000
966	Nguyễn Công Kiền	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
967	Bùi Thị Hà	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
968	Nguyễn Thị Hội	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
969	Lê Thị Điều	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
970	Nguyễn Thị Quyên	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
971	Lê Thị Xít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
972	Nguyễn Thị Bé	NCTKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
973	Phạm Thị Thêu	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Văn Nhuận)	700.000		700.000
974	Nguyễn Xuân Thương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Đặng Thị Muôn)	700.000		700.000
975	Nguyễn Thị Lượt	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
976	Nguyễn Văn Đàn	NCTKT thần kinh tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
977	Nguyễn Đình Bằng	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
978	Nguyễn Đình Thiện Nhân	TE vận động, trí tuệ, khác nặng	1.400.000		1.400.000
979	Vũ Thị Trang	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
980	Trịnh Ngọc Kiên	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
981	Nguyễn Xuân Việt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
982	Lê Thị Nhờ	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
983	Hoàng Thị Nhung	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
984	Nguyễn Thị Nhờ	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
985	Ngô Thị Bẩy	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhờ)	1.050.000		1.050.000
986	Trình Thị Hương	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
987	Cao Quang Khuê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
988	Vũ Thị Gừng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
989	Nguyễn Thị Hảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
990	Trịnh Thị Thanh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
991	Trịnh Thị Ngân	NKT vận động, nói, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
992	Lưu Thị Bích Hiền	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
993	Nguyễn Thị Ái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
994	Trịnh Thị Vân	NCT thuộc hộ nghèo, không có chồng, con hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
995	Đoàn Ngọc Linh	TEKT trí tuệ mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
996	Vũ Thị Nền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
997	Lê Quý Tỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
998	Ngô Thị Mềm	NKT nhìn, khác nặng	1.050.000		1.050.000
999	Lê Thị Chiêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1000	Lê Đình Tố	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1001	Lê Thị Hiếng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1002	Vũ Thị Láng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1003	Vũ Thị Gấm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1004	Trần Minh Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1005	Trần Văn Thửa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1006	Lê Thị Diệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1007	Nguyễn Thị Tường	NCTKT nặng	1.400.000		1.400.000
1008	Nguyễn Trung Thế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1009	Nguyễn Văn Lại	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
1010	Nguyễn Hữu Khảm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1011	Hoàng Thị Ngân	NKT khác nặng	1.050.000		1.050.000
1012	Nguyễn Thị Hoa	HGĐ CSND NKT ĐBN (Nguyễn Hữu Hạnh); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
1013	Nguyễn Văn Vụ	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
1014	Vũ Thị Là	HGĐ CSND NKT ĐBN (Nguyễn Ngọc Nghiệm); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
1015	Nguyễn Thị Hảo	NKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1016	Nguyễn Thị Hạt	HGĐCSNDNKTĐBN (Hà Thế Dương); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
1017	Nguyễn Tiến Phong	NKT vận động, nghe nói ĐBN	1.400.000		1.400.000
1018	Nguyễn Thị Luý	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1019	Bùi Thị Đần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1020	Nguyễn Văn Sinh	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng 02 NKT ĐBN (Nguyễn Thị Mười và Nguyễn Thị Tiệm)	2.100.000		2.100.000
1021	Nguyễn Thị Mười	NKT vận động, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
1022	Nguyễn Thị Mười	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1023	Nguyễn Thị Sâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1024	Nguyễn Thị Ề	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1025	Hà Thị Bầu	NCT KT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1026	Nguyễn Thị Véo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1027	Đoàn Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1028	Nguyễn Thị Nhiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1029	Nguyễn Đình Giấy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1030	Nguyễn Thị Rộng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1031	Nguyễn Thị Thì	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1032	Nguyễn Thị Ngãi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1033	Trần Hoàng Anh	TE. KT vận động, nghe, nói, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
1034	Nguyễn Thị Lạc	NKT nghe nói, thần kinh tâm thần, trí tuệ, khác ĐBN	1.400.000		1.400.000
1035	Nguyễn Thị Kim Lan	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Lạc)	1.050.000		1.050.000
1036	Hà Thị Nguyệt	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1037	Nguyễn Thị Chắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1038	Nguyễn Thị Sùng	NCT. KT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
1039	Nguyễn Thị Rô	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1040	Trần Thị Toàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1041	Nguyễn thị Ngòi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1042	Nguyễn Văn Noi	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1043	Nguyễn Thị Mỏng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1044	Trần Thị Sang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1045	Nguyễn Thị Thậm	NCTKT vận động, nghe nói, trí tuệ khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
1046	Trần Thị Hưng	HGĐ chăm sóc nuôi dưỡng NCT KT ĐBN (Nguyễn Thị Thậm)	700.000		700.000
1047	Nguyễn Thị Lờ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1048	Nguyễn Bá An	NKT nghe, nói, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1049	Hoàng Tất Đạt	NKT trí tuệ, khác (tim mạch) nặng	1.050.000		1.050.000
1050	Nguyễn thị Vẻ	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1051	Nguyễn Thị Dịnh	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1052	Hoàng Thị Nụ	NKT vận động, nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
1053	Phạm Trọng Tắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1054	Nguyễn Thị Tiếp	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1055	Nguyễn Thị Thời	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
1056	Hoàng Văn Chung	NKT vận động, nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
1057	Nguyễn Thị Hay	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1058	Phạm Thị Sánh	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1059	Nguyễn Thị Đỗ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1060	Nguyễn Thị Chọn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1061	Nguyễn Thị Thanh	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1062	Nguyễn Thị Tài	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Thị Mính)	700.000		700.000
1063	Lê Thị Huệ	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Noi)	700.000		700.000
1064	Phạm Thị Nhuận	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Hà Thị Bầu)	700.000		700.000
1065	Hoàng Thị Như	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1066	Nguyễn Thị Tài	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Hoàng Anh)	700.000		700.000
1067	Nguyễn Thị Hiên	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Ề)	700.000		700.000
1068	Nguyễn văn Lượt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1069	Nguyễn Văn Bẩy	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1070	Nguyễn Thị Ngói	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
1071	Trần Thị Tấm	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1072	Nguyễn Thị Bẩy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1073	Nguyễn Hữu Châm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1074	Hoàng Thị Đồi	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1075	Hoàng Thị Bẩy	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1076	Nguyễn Danh Đài	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1077	Nguyễn Thị Nhiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1078	Nguyễn văn Dũng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1079	Nguyễn Danh Lộc	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT nhìn ĐBN (Nguyễn Thị Bấy)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1080	Nguyễn Thị Bỏng	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1081	Nguyễn Thị Dẻo	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
1082	Nguyễn Thị Toan	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1083	Nguyễn Thị Liêm	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1084	Nguyễn Thị Thế	NCTKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
1085	Nguyễn Thị Nhẹ	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1086	Nguyễn Văn Phong	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1087	Nguyễn Đình Quyền	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1088	Trần Thị Hảo	NKT vận động, nghe nói nặng	1.050.000		1.050.000
1089	Nguyễn Thị Tiệm	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1090	Lương Văn Lập	NCT KT vận động, nghe nói nặng	1.400.000		1.400.000
1091	Tăng Thị May	NCTKT vận độn, thần kinh, tâm thầng nặng	1.400.000		1.400.000
1092	Trần Thị Xong	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
1093	Trần Thị Sáu	HGĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Thị Xong)	1.050.000		1.050.000
1094	Lê Thị Luỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1095	Nguyễn Hữu An	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1096	Lê Đình Ái	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Đình Phụ); NCT80	1.400.000		1.400.000
1097	Nguyễn Thị Cần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1098	Nguyễn Thị Nghí	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1099	Nguyễn Thị Thơm	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1100	Nguyễn Đình Thuấn	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Thú)	700.000		700.000
1101	Phạm Thị Ga	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1102	Nguyễn Thị Đường	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1103	Phạm Thị Ghi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1104	Nguyễn Thị Thoan	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Tiến Vĩ); NCTKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
1105	Trần Văn Đôn	NKT ĐBN	1.925.000		1.925.000
1106	Nguyễn Thị Mịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1107	Nguyên Thị Hời	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1108	Nguyễn Thị Bỉ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1109	Phạm Thị Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1110	Nguyễn Thị Chình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1111	Đào Thị Hường	NKT nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
1112	Hà Thị Ngoan	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1113	Trần Thị Đổi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1114	Nguyễn Thị Quyên	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1115	Nguyễn Thị Thơm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1116	Nguyễn Thị Luân	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1117	Phạm Thị Vượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1118	Nguyễn Văn Nhất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1119	Nguyễn Thị Sít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1120	Hà Thị Oanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1121	Nguyễn Thị Dù	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1122	Nguyễn Văn Thống	NCT KT vận động, nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
1123	Nguyễn Thị Chuyền	NCT KT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
1124	Nguyễn Thị Ngần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1125	Lưu Thị Mi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1126	Hoàng Thị Bính	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1127	Nguyễn Thị Bi	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đào Thị Hường)	700.000		700.000
1128	Nguyễn Thị Nhủ	NCTKT vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
1129	Nguyễn Văn Lịch	HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhủ)	700.000		700.000
1130	Nguyễn Thị Hán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1131	Lê Huy Thu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1132	Nguyễn Thị Nhủ	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1133	Cấn Thị Ánh Tuyết	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1134	Nguyễn Thị Hưng	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1135	Trần Thị An	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1136	Nguyễn Bá Xuân	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1137	Nguyêễn Thị Sen	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1138	Nguyễn Thị Miền	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1139	Phạm Đức Lợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1140	Nguyễn Ngọc Thăng	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1141	Hà Thị Tẩm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1142	Tô Minh Tuấn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1143	Nguyễn Văn Liên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1144	Nguyễn Thị Thiếu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1145	Nguyễn Hữu Thu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1146	Vũ Thị Nhưng	NCTKT vận động, thần kinh, tâm thần, khác đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
1147	Nguyễn Thị Yên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1148	Vũ Thị Từng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1149	Nguyễn Thị Reo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1150	Nguyễn Thị Nghình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1151	Nguyễn Thị Hồng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Thường)	1.050.000		1.050.000
1152	Nguyễn Đắc Khánh Toàn	TE KT thần kinh, tâm thần, vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
1153	Nguyễn Thị Nhàn	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đắc Khánh Toàn)	700.000		700.000
1154	Nguyễn Văn Thường	NKT thần kinh, tâm thần, vận động ĐBN	1.050.000		1.050.000
1155	Nguyễn Thị Mùi	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1156	Nguyễn Thị Mệnh	NCT KT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1157	Nguyễn Thị Xuyến	NCT. KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
1158	Nguyễn Hữu Trường	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1159	Nguyễn Thị Loan	NKT nghe nói, thần kinh tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1160	Nguyễn Thị Nhất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1161	Nguyễn Quang Tiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1162	Nguyễn Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1163	Vũ Thị Thanh	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
1164	Nguyễn Thị Toàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1165	Nguyễn Đức Thanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1166	Nguyễn Ngọc Nhuận	NKT vận động, nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
1167	Nguyễn Thị Liễu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1168	Nguyễn Thị Khoát	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1169	Nguyễn Thị Lịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1170	Nguyễn Thị Yết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1171	Nguyễn Thị Nền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1172	Nguyễn Ngọc Thuỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1173	Nguyễn Thị Nguyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1174	Nguyễn Thị Phương	NKT nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
1175	Nguyễn Ngọc San	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1176	Nguyễn Thị Ạnh	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1177	Nguyễn Hữu Đương	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1178	Nguyễn Thị Doan	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1179	Nguyễn hữu Sáng	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1180	Vũ Thị Huệ	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Hữu Sáng)	700.000		700.000
1181	Nguyễn Thị Huệ	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Sự)	700.000		700.000
1182	Nguyễn Thị Đáng	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1183	Nguyễn Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1184	Nguyễn Thị Lịch	Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có vợ, chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp hoặc có nhưng những người này đã chết hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	1.050.000		1.050.000
1185	Nguyễn Hữu Lương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT nhìn ĐBN (Nguyễn Hữu Bằng)	700.000		700.000
1186	Vũ Thị Thông	NCTKT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1187	Nguyễn Thị Lựu	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1188	Nguyễn Văn Dứa	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Thông)	700.000		700.000
1189	Nguyễn Quang Quê	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1190	Nguyễn Hữu Thăng	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1191	Nguyễn Thị Toan	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
1192	Vũ Thị Nụ	NCTKT vận động, nghe, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
1193	Nguyễn Thị Toán	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng TE mồ côi (Nguyễn Tuyết Liên)	1.050.000		1.050.000
1194	Nguyễn Đình Bài	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Toan)	700.000		700.000
1195	Nguyễn Thị Nhàn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Nụ)	700.000		700.000
1196	Nguyễn Tuyết Liên	Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cả cha và mẹ không có nguồn nuôi dưỡng	1.050.000		1.050.000
1197	Nguyễn Ngọc Thạo	NCTKT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
1198	Nguyễn Thị Xoa	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1199	Nguyễn Thị Tề	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
1200	Nguyễn Thị Hằng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Tề)	700.000		700.000
1201	Vũ Xuân Trường	NCTKT vận động, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
1202	Nguyễn Thị Mây	Người cao tuổi khuyết tật vận động nhìn mức độ đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
1203	Nguyễn Đình Thể	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Mây)	700.000		700.000
1204	Nguyễn Thị Sớm	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đắc Kho)	700.000		700.000
1205	Nguyễn Thị Tuyến	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Xuân Trường)	700.000		700.000
1206	Nguyễn Hữu Phụng	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1207	Nguyễn Thị Bồi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1208	Nguyễn Thị Huê	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1209	Vũ Thị Hoè	NCTKT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1210	Nguyễn Thị Sể	NCTKT vận động vặng	1.400.000		1.400.000
1211	Bùi thị Việt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1212	Triệu Thị Nháng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1213	Nguyễn Thị Vò	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1214	Phạm Thị Tiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1215	Nguyễn Thị Xuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1216	Nguyễn Thị Rộng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1217	Bùi Ngọc Giảng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1218	Nguyễn Thị Hẹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1219	Lê Thị Ngoan	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1220	Nguyễn Thị Chiều	NCT. KT vận động, tâm thần kinh nặng	1.400.000		1.400.000
1221	Lê Thị Tấm	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1222	Nguyễn Thị Nâng	NCT. KT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
1223	Nguyễn Thị Tuyết	NCT. KT nghe nói nặng	1.400.000		1.400.000
1224	Nguyễn Trung Hoàn	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
1225	Nguyễn Thị Ha	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1226	Bùi Thị Độn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1227	Nguyễn Thị Láng	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1228	Lê Nho Phan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Huề)	700.000		700.000
1229	Nguyễn Thị Khịch	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Xuân)	700.000		700.000
1230	Nguyễn Thị Luồng	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhung)	700.000		700.000
1231	Nguyễn Trung Phố	HGĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Trung Hoàn)	1.050.000		1.050.000
1232	Nguyễn Thị Nhàng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1233	Nguyễn Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1234	Nguyễn Thị Phi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1235	Nguyễn Thị Lề	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1236	Nguyễn Thị Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1237	Lê thị Phướn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1238	Phạm Thị Mẽ	NCT khuyết tật vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
1239	Nguyễn Thị Chỉ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1240	Lê Thị Thện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1241	Tạ Thị Lạng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1242	Phạm Đức Tụng	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1243	Lương Thị Xá	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1244	Lương Văn Hồng	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1245	Phạm Thị Sôi	NCT KT nhìn, vận động BBDN	1.750.000		1.750.000
1246	Nguyễn Thị Quyết	NCT KT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1247	Nguyễn Thị Dân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1248	Nguyễn Thị Dịp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1249	Phạm Đức Hạ	NCTKT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1250	Phạm Thị Tưới	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1251	Phạm Đức Sổ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1252	Phạm Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1253	Triệu Thị Đoan	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1254	Lương văn Chử	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Triệu Thị Đoan)	700.000		700.000
1255	Phạm Đức Hanh	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lương Thị Hợi)	700.000		700.000
1256	Nguyễn Thị Lẻo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1257	Nguyễn Thị Ngại	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1258	Vũ thị Tạo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1259	Nguyễn Thị Dịp	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lương Văn Hồng)	700.000		700.000
1260	Nguyễn Thị Nhì	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1261	Phạm Thị Trái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1262	Nguyễn Thị Diệu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1263	Lương Văn Thập	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1264	Nguyễn Văn Quý	NCTKT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
1265	Nguyễn Thu Hiền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT ĐBN (Lương Quang Minh)	700.000		700.000
1266	Phạm Thị Sể	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1267	Lương Thị Soan	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1268	Lương Quang Minh	Người KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
1269	Phạm Thị Bẩy	NCT khuyết tật vận động, trí tuệ đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
1270	Phạm Thị Tâm	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Phạm Thị Bẩy)	700.000		700.000
1271	Lưu Thị Huệ	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Dổi)	700.000		700.000
1272	Nguyễn Thị Hồng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Đức Khoa)	700.000		700.000
1273	Phạm Đức Khoa	NKT vận động, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
1274	Phạm Thị Dổi	NCTKT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1275	Lương Thị Hiền	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1276	Lê Thị Tô	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1277	Nguyễn Đình Doãn	NKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1278	Nguyễn Đình Thăng	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
1279	Hà Hải Dương	NKT vận động mức độ nặng	1.050.000		1.050.000
1280	Vũ Thị Là	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
1281	Nguyễn Tiến Hấp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1282	Bùi Thị Hòa	HGĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Xuân)	1.050.000		1.050.000
1283	Nguyễn Thị Xuân	NCT KT vận động, nghe, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
1284	Nguyễn Thị Nhụ	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1285	Nguyễn Tiến Minh	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
1286	Nguyễn Đình Chiến	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1287	Phạm Thị Cương	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đình Chiến)	700.000		700.000
1288	Nguyễn Thị Đất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1289	Nguyễn Văn Đoàn	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1290	Nguyễn Thị Tình	NCTKT vận động BĐN	1.750.000		1.750.000
1291	Nguyễn Thị Kẹo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1292	Lê Nho Phan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1293	Nguyễn Thị Yến Nhi	Người KT nghe, nói, nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
1294	Nguyễn Thị Điển	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1295	Bùi Hữu Nhật Nam	TEKT nghe, nói, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
1296	Nguyễn Thị Tình	NCT KT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1297	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	TE KT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
1298	Lưu Thị Mỳ	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1299	Nguyễn Thị Lá	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1300	Lê Thị Nhượng	NCT. KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
1301	Nguyễn Tiến Tha	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1302	Nguyễn Tiến Lỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1303	Nguyễn Thị Diệu Linh	TE. KT vận động, thần kinh, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
1304	Phạm Thị Huyền	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Diệu Linh)	700.000		700.000
1305	Hà Thị Ngay	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1306	Nguyễn Thị Lại	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1307	Nguyễn Thị Toan	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1308	Trần Văn Nguyện	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Ngọc Anh)	700.000		700.000
1309	Trần Ngọc Anh	TE KT trí tuệ, vận động, nghe, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
1310	Cao Thị Huệ	NKT nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
1311	Trần Văn Tài	NKT vận động, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
1312	Nguyễn Thị Thu	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (trần văn tài)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1313	Nguyễn Thị Thu	HGĐ CS NKT ĐBN nuôi dưỡng 01 con dưới 36 tháng (Cao Thị Huệ)	1.050.000		1.050.000
1314	Nguyễn Hữu Tuấn	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1315	Nguyễn Tiến Thủy	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Hà Thị Nụ)	700.000		700.000
1316	Nguyễn Thị Chinh	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1317	Nguyễn Thị Bép	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1318	Hà Thị Nụ	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1319	Nguyễn Thị Lộc	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1320	Hoàng Văn Chính	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1321	Đỗ Văn Bằng	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1322	Nguyễn Thị Hải Vân	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1323	Nguyễn Thị Xuân	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1324	Phạm Đức Công	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
1325	Nguyễn Thị Lan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Đức Lực)	700.000		700.000
1326	Phạm Đức Lực	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
1327	Nguyễn Thị Kén	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1328	Hoàng Văn Cục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1329	Nguyễn Thị Ngà	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
1330	Nguyễn Thị Ổn	Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp hoặc có nhưng những người này đã chết hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	1.050.000		1.050.000
1331	Nguyễn Quang Luân	TE KT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
1332	Vũ Thị Hương	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1333	Nguyễn Thị Xen	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Xuân Thảnh)	700.000		700.000
1334	Nguyễn Xuân Thảnh	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1335	Nguyễn Thị Loan	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1336	Nguyễn Ngọc Trường	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Tình)	700.000		700.000
1337	Nguyễn Thị Pho	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1338	Nguyễn Thị Hương Bích	NKT vận động, nghe, nói, thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1339	Nguyễn Hữu Quân	TE KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1340	Trần Văn Hai	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1341	Cù Tuấn Quý	NKT nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
1342	Nguyễn Thị Lý	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
1343	Cao Hoàng Thông	NKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1344	Hà Thế Luận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1345	Cù Thị Vui	HGĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cù Tuấn Quý)	1.050.000		1.050.000
1346	Nguyễn Đình Thuyết	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1347	Nguyễn Xuân Chuyển	NCTKT vận đông nặng	1.400.000		1.400.000
1348	Nguyễn Văn Lượng	NKT vận đông nặng	1.050.000		1.050.000
1349	Nguyễn Thị Xuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1350	Phạm Thị Vinh	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
1351	Nguyễn Thị Lành	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1352	Hoàng Thị Hằng	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1353	Nguyễn Thị Lệ	HGĐCSND (Phạm Hùng Đoàn)	700.000		700.000
1354	Phạm Hùng Đoàn	NCTKT Nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1355	Nguyễn Hữu Lui	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1356	Hồng Minh Anh	TEKT vận động, nghe, nói, nhìn, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
1357	Hồng Quang Thuyết	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT ĐBN (Hồng Minh Anh)	700.000		700.000
1358	Đỗ Thị Luận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1359	Lương Văn Quýnh	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1360	Nguyễn Danh Tĩnh	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
1361	Nguyễn Thị Tính	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1362	Hà Thế Phong	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Phạm Thị Vinh)	700.000		700.000
1363	Nguyễn Danh Lộc	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Đất)	700.000		700.000
1364	Lê Thị Thủy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1365	Nguyễn Trọng Hợp	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Sôi)	700.000		700.000
1366	Nguyễn Thị Hiền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Danh Tĩnh)	700.000		700.000
1367	Nguyễn Văn Trường	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Tính)	1.050.000		1.050.000
1368	Phạm Thị Hiền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Đức Hạ)	700.000		700.000
1369	Nguyễn văn Nối	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1370	Lê Thị Bệch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1371	Lê Thị Luật	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1372	Lê Nho Khuê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1373	Nguyễn Ngọc Chiến	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1374	Nguyễn Thị Lý	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1375	Nguyễn Thị Lư	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1376	Nguyễn Văn Nhưỡng	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
1377	Nguyễn Bá Đông	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1378	Nguyễn Thị Tuyên	NCTKT vận động; nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1379	Nguyễn Thị Thoi	NCTKT thần kinh, tâm thần	1.400.000		1.400.000
1380	Hoàng Văn Ban	NCTKT nghe nói nặng	1.400.000		1.400.000
1381	Nguyễn Thị Khích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1382	Phạm Đức Dũng	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
1383	Phạm Đức Chinh	HGĐ chăm sóc nuôi dưỡng NKT vận động ĐBN (Phạm Đức Dũng)	700.000		700.000
1384	Hoàng Văn Trọng	Người KT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1385	Nguyễn Thị Tuyết	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Vũ Thị Nhưng)	700.000		700.000
1386	Nguyễn Hữu Lanh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Doan)	700.000		700.000
1387	Phạm Đức Sổ	Hộ gia đình CSND (Lê Thị Chách)	700.000		700.000
1388	Phạm Thị Duyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1389	Nguyễn Thị Sợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1390	Phạm Xuân Vỹ	NCTKT nhìn, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1391	Hà Thị Quyên	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Xuân Vỹ)	700.000		700.000
1392	Phạm Đức Chiều	NCTKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000
1393	Phạm Thị Thuỷ	NCTKT vận động nhìn đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
1394	Phạm Đức Quân	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Phạm Đức Chiều và Phạm Thị Thuỷ)	1.400.000		1.400.000
1395	Hoàng Văn Năm	người khuyết tật vận động khác mức độ đặc biệt nặng	1.400.000		1.400.000
1396	Hoàng Văn Nhuận	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1397	Hoàng Văn Tuấn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Hoàng Văn Năm)	700.000		700.000
1398	Vũ Thị Trường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1399	Lê Thị Bốn	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
1400	Vũ Xuân Thuỷ	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1401	Chu Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1402	Bùi Thị Giáo	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
1403	Nguyễn Thị Sứ	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
1404	Nguyễn Thị Lạp	NCT KT Vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1405	Phạm Văn Khiệu	NCT KT Vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1406	Phạm Thị Điện	NKT vận động nặg	1.400.000		1.400.000
1407	Hà Thị Thơm	NKT Vận động nặng	1.050.000		1.050.000
1408	Vũ Thị Thơm	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
1409	Nguyễn Thị Vường	NCT Vận động nặng	1.400.000		1.400.000
1410	Nguyễn Hoàng Minh Quý	TE KT trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
1411	Lương Đức Lương	NCT Khuyết tật vận động, nói, nặng	1.400.000		1.400.000
1412	Nguyễn Thị Xu	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
1413	Nguyễn Thị Lập	Hộ gia đình CSND (Nguyễn Thị Xu)	700.000		700.000
1414	Trịnh Thị Cán	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
II. HƯU TRÍ XÃ HỘI (519 người)			**363.300.000**		**363.300.000**

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1415	Dương Văn Mọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1416	Bùi Duy Lai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1417	Bùi Đình Bôi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1418	Phạm Thị Bích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1419	Lưu Thị Tỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1420	Nguyễn Xuân Thương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1421	Vũ Thị Thảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1422	Lê Văn Tràn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1423	Vũ Thị Chư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1424	Tăng Tiến Cường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1425	Nguyễn Duy Chuyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1426	Nguyễn Thị Môn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1427	Vũ Duy Lùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1428	Nguyễn Văn Tiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1429	Đỗ Thị Bích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1430	Phạm Thị Ngoãn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1431	Dương Văn Quýnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1432	Vũ Thị Vít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1433	Vũ Duy Khuê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1434	Nguyễn Thị Bốn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1435	Tạ Thị Diệm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1436	Cao Quang Hiệu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1437	Vũ Thị Tâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1438	Nguyễn Thị Lừng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1439	Vũ Hữu Đài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1440	Phạm Thị Bi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1441	Nguyễn Hải Đăng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1442	Lê Thị Lương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1443	Nguyễn Thị Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1444	Nguyễn Thị Bọt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1445	Phạm Thị Liếng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1446	Nguyễn Thị Hoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1447	Ngô Văn Thứa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1448	Lê Văn Úc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1449	Phạm Thị Thanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1450	Lê Thị Mượt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1451	Vũ Duy Thư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1452	Nguyễn Thị Quý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1453	Hoàng Thị Xuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1454	Lê Thị Dần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1455	Đào Thị Bàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1456	Phạm Tiến Thành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1457	Phạm Nguyễn Dũng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1458	Nguyễn Thị Kiểu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1459	Phạm Văn Điều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1460	Nguyễn Thị Ngư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1461	Vũ Thị Mịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1462	Phạm Thị Nhớn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1463	Vũ Tiến Thủy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1464	Nguyễn Thị Kham	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1465	Vũ Văn Phình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1466	Nguyễn Thị Chà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1467	Nguyễn Thị Cậy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1468	Phạm Nguyễn Tùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1469	Nguyễn Thị Dung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1470	Trần Thị Sửu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1471	Nguyễn Thị Hậu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1472	Nguyễn Đình Điều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1473	Nguyễn Văn Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1474	Hoàng Văn Trai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1475	Nguyễn Danh Tòng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1476	Hà Thị Nghệ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1477	Nguyễn Thị Đậu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1478	Nguyễn Thị Mẻo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1479	Trần Minh Xuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1480	Nguyễn Đình Lý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1481	Hồ Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1482	Nguyễn Thị Chỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1483	Lê Đình Ước	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1484	Nguyễn Thị Khình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1485	Nguyễn Thị Khịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1486	Bùi Thị Vách	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1487	Nguyễn Thị Khấm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1488	Nguyễn Thị Lõi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1489	Phạm Thị Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1490	Phạm Thị Ba	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1491	Hoàng Thị Viên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1492	Nguyễn Thị Chút	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1493	Bùi Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1494	Bùi Thị Nhiều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1495	Nguyễn Thị Hòa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1496	Phạm Đức Phúng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1497	Bùi Thị Tách	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1498	Đỗ Thị Phượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1499	Trần Đăng Khoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1500	Nguyễn Thị Xung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1501	Nguyễn Thị Phượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1502	Nguyễn Thị Thể	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1503	Đào Đăng Tín	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1504	Nguyễn Thị Gái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1505	Nguyễn Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1506	Nguyễn Đức Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1507	Nguyễn Thị Tiếng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1508	Hoàng Trung Chính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1509	Nguyễn Danh Hiệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1510	Trần Văn Sùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1511	Nguyễn Thị Đan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1512	Nguyễn Thị Hiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1513	Nguyễn Xuân Nguyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1514	Vũ Thị Thay	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1515	Nguyễn Thị Chắt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1516	Nguyễn Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1517	Ngô Thị Muội	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1518	Vũ Xuân Thắng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1519	Nguyễn Quang Trìu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1520	Nguyễn Thị Oanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1521	Nguyễn Thị Nhi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1522	Nguyễn Văn Dứa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1523	Nguyễn Ngọc Ngoạn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1524	Chu Thị Sỉu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1525	Nguyễn Văn Khảnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1526	Nguyễn Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1527	Lê Thị Chín	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1528	Hoàng Thị An	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1529	Nguyễn Hữu Bốn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1530	Nguyễn Văn Giai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1531	Vũ Cương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1532	Vũ Minh Chức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1533	Nguyễn Văn Sự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1534	Nguyễn Văn Thắng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1535	Mai Thị Toáy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1536	Nguyễn Thành Vân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1537	Bùi Thị Sào	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1538	Trương Thị Tươi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1539	Nguyễn Thị Miết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1540	Phạm Thị Phành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1541	Nguyễn Văn Đối	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1542	Vũ Tiến Liễu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1543	Nguyễn Thị Sáng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1544	Nguyễn Văn Cố	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1545	Hoàng Thị Hợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1546	Đào Thị Khi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1547	Nguyễn Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1548	Nguyễn Thị Tuấn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1549	Bùi Thị Mỷ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1550	Nguyễn Thị Gạch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1551	Trịnh Thị Huyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1552	Phạm Thuần Ân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1553	Nguyễn Thị Hỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1554	Phạm Duy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1555	Trịnh Đình Khôi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1556	Nguyễn Thị Ngọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1557	Nguyễn Thị Luận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1558	Phạm Đức Thành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1559	Trịnh Thị Vần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1560	Vũ Thị Liêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1561	Trịnh Ngọc Viên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1562	Trịnh Ngọc Vượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1563	Bùi Thị Lánh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1564	Vương Thị Gần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1565	Vũ Hữu Tuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1566	Vũ Bá Toát	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1567	Vũ Thị Tần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1568	Vũ Năng Thú	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1569	Lê Thị Lượn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1570	Vũ Ngọc Mỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1571	Nguyễn Thị Thoi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1572	Trần Thị Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1573	Lê Văn Tơn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1574	Lê Thị Lý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1575	Nguyễn Thị Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1576	Bùi Thị Thuận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1577	Hoàng Thị Nhiêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1578	Nguyễn Danh Chất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1579	Nguyễn Thị Hấng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1580	Phạm An Sơn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1581	Phạm Thị Hoà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1582	Phạm Thị Vui	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1583	Trần Thị Chéo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1584	Vũ Xuân Trình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1585	Trần Thị Phiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1586	Nguyễn Văn Tèo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1587	Vũ Thị Huế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1588	Lê Thị Sửu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1589	Nguyễn Danh Bích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1590	Vũ Thị Nhiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1591	Lê Duy Chuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1592	Đoàn Văn Hưng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1593	Vũ Năng Díu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1594	Nguyễn Duy Tửu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1595	Nguyễn Thị Chắt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1596	Ngô Thị Chí	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1597	Nhữ Thị Nhạn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1598	Trần Kiệt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1599	Lê Đình Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1600	Nguyễn Thị Vò	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1601	Nguyễn Văn Chén	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1602	Nguyễn Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1603	Nguyễn Đắc Sứng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1604	Nguyễn Thị Díp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1605	Vũ Đình Cà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1606	Nguyễn Hữu Nam	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1607	Nguyễn Ngọc Toản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1608	Nguyễn Hữu Đào	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1609	Vũ Mạnh Hùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1610	Nguyễn Hữu Sáng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1611	Nguyễn Văn Lãi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1612	Nguyễn Hữu Năm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1613	Nguyễn Thị The	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1614	Nguyễn Văn Quang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1615	Nguyễn Văn Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1616	Vũ Thị Vang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1617	Vũ Thị Điềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1618	Nguyễn Văn Kíp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1619	Nguyễn Đắc Biên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1620	Nguyễn Đình Hinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1621	Nguyễn Thị Tuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1622	Vũ Thị Bíp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1623	Bùi Hữu Sơn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1624	Nguyễn Thị Hậu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1625	Nguyễn Thị Quạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1626	Dương Văn Kha	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1627	Nguyễn Thị Vinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1628	Lê Thị Định	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1629	Nguyễn Thị Dung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1630	Vũ Thị Lập	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1631	Vũ Năng Kính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1632	Nguyễn Thị Tản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1633	Nguyễn Trọng Nhanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1634	Nguyễn Trọng Đỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1635	Nguyễn Đình Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1636	Phạm Thị Nhùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1637	Nguyễn Thị Bịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1638	Nguyễn Hồng Ân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1639	Lê Nho Than	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1640	Lê Thị Thi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1641	Vũ Thị La	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1642	Phạm Thị Khoản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1643	Vũ Thị Kỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1644	La Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1645	Vũ Xuân Mỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1646	Lương Thị Năm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1647	Nguyễn Bá Năm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1648	Nguyễn Thị Ngọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1649	Nguyễn Thị Chiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1650	Bùi Thị Nhạn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1651	Phạm Thị Mơ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1652	Lương Văn Viết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1653	Nguyễn Văn Nhỏ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1654	Nguyễn Văn Thiết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1655	Lương Văn Thang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1656	Vũ Thị Thềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1657	Nguyễn Thị Hiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1658	Vũ Thị Phi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1659	Nguyễn Thị Lành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1660	Vũ Xuân Dũng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1661	Lê Thị Va	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1662	Lê Thị Doan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1663	Phạm Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1664	Nguyễn Thị Giản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1665	Lương Hữu Hùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1666	Tạ Đình Lê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1667	Phạm Trọng Chằm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1668	Phạm Đức Chuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1669	Nguyễn Thị Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1670	Vũ Văn Bình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1671	Vũ Thị Nguồn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1672	Vũ Thị Đượm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1673	Vũ Văn Nam	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1674	Nguyễn Thị Dương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1675	Vũ Thị Minh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1676	Bùi Thị Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1677	Đào Thị Dân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1678	Nguyễn Văn Diển	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1679	Ngô Như Lợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1680	Nguyễn Văn Xa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1681	Trần Thị Ngàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1682	Nguyễn Văn Xim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1683	Nguyễn Thị Hợp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1684	Nguỹen Thị Lý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1685	Đỗ Xuân Thuỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1686	Lê Thị Vàng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1687	Lê Thị Ninh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1688	Vũ Đình Nguyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1689	Lê Văn Tuy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1690	Đỗ Thị Ngân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1691	Nguyên Thị Chắc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1692	Nguyễn Thị Viền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1693	Nguyễn Thị Vĩnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1694	Nguyễn Đình Thể	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1695	Vũ Thị Yên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1696	Nguyễn Thị Hoài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1697	Nguyễn Thị Tính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1698	Đỗ Văn Kha	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1699	Nguyễn Đức Hiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1700	Nguyễn Xuân Quang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1701	Nguyễn Đức Nghi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1702	Ngô Thị Đặng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1703	Nguyễn Thị Chẩm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1704	Nguyễn Thị Luống	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1705	Nguyễn Thị Lương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1706	Hà Thị Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1707	Nguyễn Thị Thăm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1708	Lương Văn Nguyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1709	Phạm Đức Điềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1710	Nguyễn Văn Thìn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1711	Nguyễn Hữu Hiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1712	Vũ Thị Thía	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1713	Vũ Tiến Pho	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1714	Phạm Thị Hanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1715	Vũ Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1716	Hoàng Huy Thực	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1717	Nguyễn Thị Đoá	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1718	Nguyễn Xuân Đáng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1719	Nguyễn Thị Thú	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1720	Bùi Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1721	Nguyễn Đức Toàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1722	Lê Duy Điệu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1723	Lương Văn Đạm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1724	Nguyễn Thị Liêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1725	Ngô Văn Viết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1726	Phạm Thanh Tảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1727	Vũ Đức Cảnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1728	Vũ Thị Diệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1729	Nguyễn Đình Huân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1730	Ngô Thị Dần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1731	Nguyễn Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1732	Vũ Thị Thấm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1733	Dương Văn Đầm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1734	Lê Đình Côi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1735	Nguyễn Thị Ngận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1736	Nguyễn Thị Luật	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1737	Nguyễn Thị Điềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1738	Phạm Văn Trực	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1739	Vũ Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1740	Phạm Văn Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1741	Ngô Thị Sang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1742	Tăng Văn Quyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1743	Nguyễn Văn Chế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1744	Nguyễn Thế Ngọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1745	Vũ Văn Mẫn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1746	Nguyễn Thị Đệ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1747	Vũ Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1748	Nguyễn Thị Thuốc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1749	Bùi Thị Pha	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1750	Phạm Thị Thẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1751	Nguyễn Văn Xít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1752	Ngô Thị Miến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1753	Nguyễn Văn Hợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1754	Lê Văn Thường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1755	Nguyễn Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1756	Vũ Thế Hữu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1757	Trịnh Thị Xoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1758	Nguyễn Thị Huệ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1759	Trần Văn Khai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1760	Nguyễn Đình Thông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1761	Phạm Đức Giá	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1762	Nguyễn Đình Mẫn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1763	Nguyễn Đình Mận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1764	Nguyễn Thị Thúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1765	Phạm Thị Măng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1766	Nguyễn Thị Vó	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1767	Nguyễn Đức Vy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1768	Trần Thị Tuy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1769	Trình Văn Đoán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1770	Vũ Thị Mủa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1771	Nguyễn Thị Mỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1772	Nguyễn Thị Đoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1773	Nguyễn Thị Xuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1774	Nguyễn Văn Nghĩa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1775	Nguyễn Thị Ngút	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1776	Nguyễn Văn Quyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1777	Nguyễn Thị Huyển	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1778	Nguyễn Thị Uẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1779	Vũ Tiến Thưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1780	Vũ Thị Tảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1781	Vũ Thị Xanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1782	Vũ Tiến Dũng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1783	Nguyễn Thị Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1784	Phạm Văn Lược	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1785	Bùi Hữu Lân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1786	Đăng Thị Xít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1787	Phạm Thị Tê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1788	Vũ Thị Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1789	Bùi Hữu Thành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1790	Nguyễn Thị Hoàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1791	Nguyễn Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1792	Vũ Văn Đảng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1793	Vũ Văn Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1794	Bùi Năng Tự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1795	Nguyễn Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1796	Bùi Năng Giang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1797	Nguyễn Thị Nơ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1798	Nguyễn Văn Vuông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1799	Bùi Quang Nhớn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1800	Nguyễn Thị Lùn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1801	Chu Thị Lịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1802	Nguyễn Bá Phan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1803	Nguyễn Văn Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1804	Bùi Năng Chảnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1805	Lê Thị Bồn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1806	Nguyễn Thị Phận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1807	Trần Thị Vùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1808	Trần Thị Lệch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1809	Vũ Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1810	Vũ Văn Tốt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1811	Phạm An Luyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1812	Phạm Thị Vực	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1813	Phạm Bình Điền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1814	Nguyễn Văn Bổi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1815	Nguyễn Văn Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1816	Nguyễn Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1817	Nguyễn Thị Định	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1818	Nguyễn Thị Diếp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1819	Hoàng Minh Xếp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1820	Trần Ngọc Mẫn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1821	Nguyễn Văn Tuyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1822	Vũ Văn Ban	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1823	Chu Đức Điểm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1824	Vũ Văn Dĩ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1825	Lương Minh Đảm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1826	Trần Đức Ngân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1827	Trần Thị Hùy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1828	Phạm Thị Huế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1829	Phạm Văn Tái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1830	Phạm Thị Tam	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1831	Đặng Thị Hạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1832	Vũ Xuân Tảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1833	Cao Thị Tặng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1834	Vũ Đình Diễm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1835	Cao Thị Sáp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1836	Cao Quang Doanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1837	Nguyễn Thị Tuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1838	Nguyễn Thị Sinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1839	Vũ Đình Quỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1840	Trần Thị Ngưu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1841	Nguyễn Thị Dẫn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1842	Đinh Thị Lán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1843	Cao Quang Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1844	Vũ Thị Dính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1845	Trần Văn Phong	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1846	Vũ Đình Duyện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1847	Vũ Đình Bổi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1848	Nguyễn Văn Long	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1849	Vũ Thị Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1850	Cao Quang Y	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1851	Vũ Thị Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1852	Lê Văn Cường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1853	Lê Thị Then	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1854	Trịnh Thị Hiệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1855	Bùi Văn Quý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1856	Vũ Thị Hoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1857	Lê Văn Kiện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1858	Ngô Thị Tài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1859	Lê Thị Nhàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1860	Nguyễn Thị Tin	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1861	Nguyễn Văn Chí	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1862	Lê Thị Ánh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1863	Dương Thị Hỡi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1864	Vũ Thị Yến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1865	Vũ Thị Tỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1866	Lê Thị Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1867	Vũ Thị Nụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1868	Bùi Văn Vụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1869	Vũ Thị Nụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1870	Vũ Thị Sam	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1871	Vũ Thị Khái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1872	Vũ Hữu Thuỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1873	Nguyễn Thị Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1874	Lê Thị Liên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1875	Nguyễn Thị Hiệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1876	Vũ Xuân Đáng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1877	Trần Thị Ái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1878	Nguyễn Đắc Xứng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1879	Vũ Thị Thoan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1880	Nguyễn Thị Ban	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1881	Lê Văn Long	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1882	Nguyễn Thị Phóng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1883	Vũ Thu Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1884	Vũ Năng Miễn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1885	Vũ Thị Vóc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1886	Hoàng Thị Mắc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1887	Nguyễn Đình Xim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1888	Lê Văn Nện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1889	Vũ Thị Văn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1890	Ngô Thị Đích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1891	Nguyễn Như Kính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1892	Vũ Thị Huế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1893	Vũ Thị Luỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1894	Bùi Thị Thơ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1895	Triệu Đình Kiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1896	Vũ Lệnh Biện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1897	Lê Thị Vũ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1898	Nguyễn Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1899	Vũ Đăng Nhự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1900	Nguyễn Thị Duyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1901	Vũ Xuân Hưng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1902	Ngô Thị Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1903	Vũ Thị Phược	Hưu trí	700.000		700.000
1904	Phạm Thị Phương	Hưu trí	700.000		700.000
1905	Bùi Thị Ngấn	Hưu trí	700.000		700.000
1906	Nguyễn Thị La	Hưu trí	700.000		700.000
1907	Nguyễn Thị sắn	Hưu trí	700.000		700.000
1908	Nguyễn Thị Bốn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1909	Vũ Thị Viên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1910	Lê Thị Nghiêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1911	Nguyễn Thị Chiêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1912	Vũ Thị THoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1913	Vũ Hữu Phán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1914	Nguyễn Thị Hiếu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1915	Trần Thị Sinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1916	Nguyễn Thị Thắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1917	Nguyễn Thị Dán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1918	Nguyễn Hữu Vịnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1919	Vũ Đình Hỷ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1920	Phạm Nguyễn Giang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1921	Vũ Thị Tụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1922	Nguyễn Thị Mãi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1923	Vũ Thị Thoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1924	Vũ Duy Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1925	Nguyễn Như Quá	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1926	Lê Thị Chậm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1927	Phạm Thuần Kiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1928	Nguyễn Thị Nắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1929	Bùi Thị Phải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1930	Trần Thị Chắn		700.000		700.000
1931	nguyễn thị sâm		700.000		700.000
1932	nguyễn thị nhung		700.000		700.000
1933	trần thành trị		700.000		700.000
TỔNG CỘNG (1.933 người)			**1.823.675.000**		**1.823.675.000**